

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo về tình hình công tác quản lý trật tự xây dựng)

Tình hình quản lý trật tự xây dựng tháng 8/2024

(Từ ngày 09/8/2024 đến ngày 08/9/2024)

Nội dung	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD	01	14	15
Chia ra:				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	02	13	14
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	03	01	01
II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng	Công trình	04	35	20
1. Số công trình vi phạm trật tự xây dựng về lĩnh vực xây dựng	Công trình	05	-	-
- Nhà ở riêng lẻ	Công trình	06	-	-
- Công trình/dự án	Công trình	07	-	-
Trong đó:				
1.1. Không phép	Công trình	08	-	-
1.2. Sai phép	Công trình	09	-	-
1.3. Vi phạm khác: <i>Thi công xây dựng công trình không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định; không công khai giấy phép xây dựng tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công; không thực hiện thủ tục để điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng;</i>	Công trình	10	-	-
2. Số công trình vi phạm trật tự xây dựng về lĩnh vực đất đai (<i>xây dựng trên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, đủ điều kiện lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhưng chưa thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước hoặc chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và các công trình xây dựng trên đất lấn, chiếm đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất chưa sử dụng...</i>)	Công trình	11	-	-

3. Kết quả xử phạt				
3.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	12	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.2. Số quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	13	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.3. Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	14	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.4. Tổng số tiền xử phạt	Triệu đồng	15	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.5. Tổng số tiền đã thực hiện nộp	Triệu đồng	16	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.6. Tổng số tiền chưa thực hiện	Triệu đồng	17	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.7. Số trường hợp buộc thực hiện KPHQ	Trường hợp	18	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			
3.8. Số trường hợp chưa thực hiện KPHQ	Trường hợp	19	-	-
a) Về lĩnh vực xây dựng	Quyết định			
b) Về lĩnh vực đất đai	Quyết định			